

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 74 TC/CĐTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 1991

THÔNG TƯ

Quy định chế độ quản lý tài chính đối với Tổng công ty Vàng bạc đá quý Việt Nam.

Căn cứ nghị định số 196/HĐBT ngày 11/12/1989 của Hội đồng Bộ trưởng "Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ"; Nghị định số 155/ HĐBT ngày 15 tháng 10 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng "Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính"; các luật thuế doanh thu, thuế lợi tức ban hành theo Nghị quyết của Quốc hội khoá VIII, kỳ họp thứ 7 ngày 30/6/1990 và Nghị định số: 351/ HĐBT, Nghị định số 353/ HĐBT ngày 2/10/1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành các luật thuế;

Căn cứ pháp lệnh kế toán - thống kê do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 20/5/1988 và Nghị định số 25/ HĐBT ngày 18/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính ban hành theo lệnh số 38 - LCT/HĐNN ngày 24/5/1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước;

Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính đối với Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam (thành lập theo quyết định số 180 - CT ngày 8/6/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG:

Tổng Công ty vàng bạc - đá quý Việt Nam là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, được Nhà nước cấp vốn điều lệ, có quyền tự chủ về tài chính, chịu trách nhiệm vật chất về kết quả kinh doanh, bảo đảm vốn Nhà nước được bảo toàn và phát triển, có

trách nhiệm thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ quản lý tài chính của Nhà nước và nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo đúng luật định.

Riêng đối với các xí nghiệp gia công, chế tác vàng bạc, đá quý trực thuộc Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam hoạt động theo loại hình xí nghiệp sản xuất công nghiệp, hạch toán kinh tế độc lập thì được thực hiện chế độ quản lý tài chính của Nhà nước như quy định đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.

II. NỘI DUNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH:

1. Vốn và trách nhiệm bảo toàn vốn:

a/ Vốn thuộc quyền sử dụng, bảo toàn và phát triển của Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam gồm:

- Vốn ngân sách cấp, bao gồm: Vốn cố định, vốn lưu động, vốn xây dựng cơ bản do ngân sách cấp hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước (như chênh lệch giá và các khoản phải nộp ngân sách nhưng được để lại), vốn viện trợ, quyên tặng,
- Vốn tự bổ sung, bao gồm: Vốn cố định, vốn lưu động, vốn xây dựng cơ bản hình thành chủ yếu từ quỹ phát triển kinh doanh và lợi nhuận để lại đơn vị.

b/ Trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam:

- Toàn bộ vốn NSNN cấp và vốn Tổng Công ty tự bổ sung từ sau thời điểm giao vốn đều phải tính chung vào số vốn Tổng Công ty đã nhận và phải bảo toàn.
- Đối với số vốn Tổng Công ty vàng bạc, đá quý tự bổ sung, Tổng Công ty phải được tự chủ trong việc sử dụng vào các mục đích kinh doanh, dịch vụ theo đúng chức năng của mình. Tổng Công ty không được sử dụng vốn tự bổ sung vào việc xây nhà ở và các công trình phúc lợi, mua sắm các phương tiện đồ dùng phục vụ sinh hoạt và đời sống.
- Hàng năm, Bộ Tài chính cùng Tổng Công ty vàng bạc, đá quý xác định lại số vốn Tổng Công ty phải bảo toàn đến thời điểm 31/12. Số liệu này được dùng làm căn cứ duyệt quyết toán vốn bảo toàn năm báo cáo và làm cơ sở kiểm tra mức độ bảo toàn vốn trong năm tiếp theo.

- Việc xác định mức độ bảo toàn vốn được thực hiện theo văn bản của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thu nhập, chi phí của Tổng Công ty vàng bạc - đá quý Việt Nam:

a/ Thu nhập của Tổng Công ty vàng bạc - đá quý Việt Nam:

- Thu bán vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức và mỹ nghệ.
- Thu về xuất nhập khẩu vàng bạc, đá quý.
- Thu dịch vụ như: cân, thử, sửa chữa, bán ký gửi, cầm đồ, môi giới, uỷ thác, ...
- Thu dịch vụ kiều hối liên quan đến vàng.
- Thu nhập về sản xuất, gia công vàng bạc, đá quý.
- Thu nhập về hoạt động liên doanh.
- Thu về tiền phạt, tiền bồi thường, lãi tiền gửi ngân hàng.
- Các khoản thu nhập khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm các khoản dôi thừa trong khi mua bán, gia công, kiểm kê,...)

Các khoản thu nhập bằng vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ đều quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định, giá thị trường tại thời điểm phát sinh các khoản thu.

b/ Chi phí hoạt động của Tổng Công ty vàng bạc - đá quý Việt Nam:

+ Chi phí nghiệp vụ sản xuất - kinh doanh:

- Chi phí mua vàng bạc, đá quý, đồ trang sức và mỹ nghệ.
- Chi gia công, tinh luyện vàng, chế tác đá quý.
- Chi xuất nhập khẩu vàng bạc, đá quý.
- Chi vận tải, bốc xếp.
- Chi bảo quản, chọn lọc, đóng gói, bao bì.
- Chi hoa hồng, lệ phí cho nghiệp vụ uỷ nhiệm, môi giới.
- Các khoản chi khác về nghiệp vụ.

+ Chi quản lý:

- Các khoản chi cho người lao động:
- + Chi lương trên cơ sở đơn giá tiền lương được duyệt.
- + Các khoản chi về bảo hiểm xã hội.

+ Chi công tác phí, phương tiện bảo hộ lao động, trang phục giao dịch theo chế độ quy định.

- *Các khoản chi quản lý khác:*

+ Chi khấu hao TSCĐ theo quy định của Nhà nước.

+ Chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ, bảo dưỡng TSCĐ (gồm cả nâng cấp, bảo dưỡng kho, cửa hàng vàng bạc - đá quý) không thuộc nguồn vốn XDCB. Khoản này được chi không vượt quá 15% tính trên tổng giá trị TSCĐ bình quân năm. Tỷ lệ này sẽ được Bộ Tài chính quy định lại cho hợp lý sau một thời gian thực hiện.

+ Chi phí thuê, mượn TSCĐ.

+ Chi mua sắm công cụ lao động cho hoạt động kinh doanh theo chế độ quy định.

+ Chi giấy tờ in, vật liệu văn phòng, kho tàng, tuyên truyền quảng cáo, đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn, cước phí bưu điện, thông tin liên lạc,

+ Các khoản chi khác phát sinh do yêu cầu kinh doanh.

Tổng Công ty vàng bạc - đá quý phải hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng chế độ các khoản chi theo quy định. Đối với các khoản chi bằng vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ đều quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định và giá mua tại thời điểm phát sinh các khoản chi. Chi phí hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty vàng bạc, đá quý được quản lý theo định mức do Tổng Công ty xây dựng được Bộ Tài chính duyệt.

- Chi nộp ngân sách Nhà nước:

+ Nộp thuế doanh thu theo luật thuế hiện hành đối với Tổng Công ty vàng bạc - đá quý.

+ Nộp sử dụng vốn ngân sách Nhà nước theo nghị định số 22/HĐBT ngày 24/1/1991 của Hội đồng Bộ trưởng và thông tư số 13 TC/TCT ngày 28/2/1991 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định trên.

c/ Tổng Công ty vàng bạc - đá quý không được hạch toán vào phí các khoản sau:

- Tiền phạt phải nộp NSNN do vi phạm luật thuế và vi phạm chế độ kế toán, báo cáo, cung cấp số liệu với cơ quan tài chính.